

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 37/2023/HS-ST
Ngày 03-11- 2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Anh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Thế Chiến

2. Ông Nguyễn Quang Hoàng

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hoài – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Công Thức - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 11 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 37/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 10 năm 2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2023/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Võ Thị Kim L; sinh năm: 1987 tại: tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Tổ dân phố B, TT. B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ P và bà Bùi Thị H; Bị cáo có chồng là Đỗ Văn T và có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2022.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại - Có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Ngô Thị Kim C, sinh năm 1978- Vắng mặt.

Trú tại: Thôn B, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bà Đinh Thị M, sinh năm 1996 - Vắng mặt.

Trú tại: Thôn E, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

3. Bà Vũ Thị X, sinh năm 1989 - Vắng mặt.

Trú tại: Thôn E, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

4. Bà Trần Thị Tuyết S, sinh năm 1998 - Vắng mặt.

Trú tại: Thôn A, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng giữa năm 2022, trong quá trình sinh sống tại địa phương, Võ Thị Kim L thấy nhiều người dân có nhu cầu muốn vay tiền nên L đã nảy sinh ý định cho vay tiền với lãi suất cao. Sau đó, L đã cho một số người dân tại huyện K, tỉnh Đắk Lắk vay tiền. Do hầu hết những người vay tiền đều là người ở cùng huyện và có quen biết nên L không đến nhà để tìm hiểu thông tin về người vay tiền hay giữ giấy tờ hay tài sản gì của người vay tiền. L cho vay với 02 hình thức là vay đứng và vay trả góp. Đối với hình thức vay tiền đứng thì L quy định với mức lãi suất 10.000 đồng/01 triệu/01 ngày tương ứng với lãi suất 365%/năm và cứ 10 ngày thì người vay phải đóng tiền lãi cho L một lần. Đối với hình thức vay tiền góp lãi suất L ra điều kiện như sau: Nếu khách vay số tiền 2.500.000 đồng, thì sẽ đóng trong vòng 30 ngày, mỗi ngày phải đóng 100.000 đồng tiền gốc và lãi nên khi đóng đủ L sẽ thu được 500.000 đồng tiền lãi, không thu phí; nếu khách vay 5000.000 đồng, thì đóng trong 30 ngày, mỗi ngày đóng 200.000 đồng tiền gốc và lãi nên khi đóng đủ thì L sẽ thu được 1.000.000 đồng tiền lãi, không thu phí tương ứng với lãi suất 243,3% /năm.

Trong quá trình hoạt động cho vay tiền với lãi suất cao L sử dụng số điện thoại 0382.354.434 và sử dụng hai số tài khoản 63610000293910 mở tại ngân hàng B và số tài khoản 5204205369430 mở tại Ngân hàng A cùng mang tên Võ Thị Kim L để người vay đóng tiền lãi. Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu thập đầy đủ tài liệu, chứng minh Võ Thị Kim L đã cho 04 người vay tiền, cụ thể như sau:

Chị Ngô Thị Kim C, sinh năm 1978, trú tại: Thôn B, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, số điện thoại: 0912773501. Vay 01 lần: Vào khoảng tháng 6/2022 vay 10.000.000 đồng với lãi suất 10.000đồng/ 01 triệu/ 01 ngày tương ứng với lãi suất 365%/năm. Khoản vay này L đã thu được 10.000.000 đồng tiền lãi, chị C còn nợ lại 10.000.000 đồng tiền gốc. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 547.945 đồng nên L thu lợi bất chính số tiền 9.452.055 đồng.

Chị Đinh Thị M, sinh năm 1996, trú tại: Thôn E, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, số điện thoại: 0986.120.396. Vay 10 lần cụ thể như sau: Đối với hình thức vay tiền đứng:

Lần 1: Ngày 09/8/2022, vay 10.000.000 đồng với lãi suất 10.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày tương ứng với lãi suất 365%/năm. Từ tháng 8/2022 đến tháng 11/2022 L đã thu đủ 10.000.000 đồng tiền gốc và 03 tháng tiền lãi với số tiền 9.000.000 đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 493.151 đồng nên L thu lợi bất chính số tiền 8.506.849 đồng.

Lần 2. Khoảng đầu tháng 11/2022, vay 6.000.000 đồng với lãi suất 10.000đồng/01triệu/01 ngày tương ứng với lãi suất 365%/năm. Từ tháng 11/2022 đến tháng 7/2023 L đã thu được 08 tháng tiền lãi với số tiền 14.400.000 đồng, chi M còn nợ lại 6.000.000 đồng tiền gốc. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 789.041 đồng nên L thu lợi bất chính số tiền 13.610.959 đồng.

Lần 3: Ngày 20/12/2022 vay 5.000.000 đồng với lãi suất 10.000 đồng/ 01 triệu/01 ngày tương ứng với lãi suất 365%/năm. Từ tháng 12/2022 đến tháng 7/2023 L đã thu được 07 tháng tiền lãi với số tiền 10.500.000 đồng, chi M còn nợ lại 5.000.000 đồng tiền gốc. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 575.342 đồng nên L thu lợi bất chính số tiền 9.924.658 đồng.

Lần 4: Đầu tháng 7/2023 vay 1.000.000 đồng với lãi suất 10.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày tương ứng với lãi suất 365%/năm. Từ đầu tháng 7/2023 đến nay L đã thu được 200.000 đồng tiền lãi, chi M còn nợ lại 1.000.000 đồng tiền gốc. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 10.959 đồng nên L thu lợi bất chính số tiền 189.041 đồng.

Đối với hình thức vay tiền góp:

Lần 1: Khoảng tháng 11/2022 vay 2.500.000 đồng đóng trong vòng 30 ngày, mỗi ngày đóng 100.000 đồng, không thu phí. Khoản vay này L đã thu đủ 2.500.000 đồng tiền gốc và 500.000 đồng tiền lãi (tương ứng với lãi suất 243,3%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 41,096 đồng nên L đã thu lợi bất chính số tiền 458.904 đồng.

Lần 2. Khoảng tháng 12/2022 vay 5.000.000 đồng đóng trong vòng 30 ngày, mỗi ngày đóng 200.000 đồng, không thu phí. Khoản vay này L đã thu đủ 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi (tương ứng với lãi suất 243,3%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 82.192 đồng nên L đã thu lợi bất chính số tiền 917.808 đồng.

Lần 3: Khoảng tháng 01/2023 vay 5.000.000 đồng đóng trong vòng 30 ngày, mỗi ngày đóng 200.000 đồng, không thu phí. Khoản vay này L đi thu đủ 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi (tương ứng với lãi suất 243,3%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 82.192 đồng, nên L đã thu lợi bất chính số tiền 917.808 đồng.

Lần 4: Khoảng tháng 02/2023 vay 5.000.000 đồng đóng trong vòng 30 ngày, mỗi ngày đóng 200.000 đồng. Khoản vay này L đã thu đủ 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi (tương ứng với lãi suất 243,3%/năm) Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 82.192 đồng nên L đã thu lợi bất chính số tiền 917.805 đồng.

Lần 5: Khoảng tháng 03/2023 vay 5.000.000 đồng đóng trong vòng 30 ngày, mỗi ngày đóng 200.000 đồng. Khoản vay này L đã thu đủ 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi (tương ứng với lãi suất 243,3%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 82.192 đồng nên L đã thu lợi bất chính số tiền 917.808 đồng.

Lần 6: Khoảng tháng 04/2023 vay 7.500.000 đồng đóng trong vòng 30 ngày, mỗi ngày đóng 300.000 đồng. Khoản vay này L thu đủ 7.500.000 đồng tiền gốc và 1.500.000 đồng tiền lãi (tương ứng với lãi suất 243,3%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 123.288 đồng nên L đã thu lợi bất chính số tiền 1.376.712 đồng.

Như vậy, tổng số tiền L cho chị M vay là 52.000.000 đồng. L thu lợi bất chính tổng số tiền là 37.738.355 đồng.

Chị Vũ Thị X, sinh năm 1989, trú tại: Thôn E, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, số điện thoại: 0348.755.748. Vay 01 lần cụ thể như sau: Khoảng đầu tháng 01/2023 vay 5.000.000 đồng với lãi suất 10.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày tương ứng với lãi suất 365%/năm. Khoản vay này L đã thu đủ 5.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 109.589 đồng nên L đã thu lợi bất chính số tiền 1.890.411 đồng.

Chị Trần Thị Tuyết S, sinh năm 1998, trú tại: Thôn A, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, số điện thoại: 0912.008.846. Vay 02 lần cụ thể như sau:

Lần 1: Khoảng tháng 8/2022 vay 5.000.000 đồng với lãi suất 10.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày tương ứng với lãi suất 365% năm. Khoản vay này L đã thu đủ 5.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 109.589 đồng nên L đã thu lợi bất chính số tiền 1.890.411 đồng.

Lần 2: Ngày 21/01/2023 vay 5.000.000 đồng với lãi suất 10.000 đồng/01 triệu/01 ngày tương ứng với lãi suất 365%/năm. Khoản vay này L đã thu được 8.000.000 đồng tiền lãi, chị S còn nợ lại 5.000.000 đồng tiền gốc. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 438.356 đồng nên L đã thu lợi bất chính số tiền 7.561.644 đồng.

Như vậy, tổng số tiền L cho chị S vay là 10.000.000 đồng L thu lợi bất chính tổng số tiền là 9.452 055 đồng.

Vậy, Võ Thị Kim L đã cho tổng cộng 04 người vay với tổng số tiền cho vay là 77.000.000 đồng và đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 58.532.876 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố, bị cáo khẳng định cáo trạng truy tố bị cáo về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự là đúng, không oan sai.

Cáo trạng số 32/CT-VKS-HS ngày 16 tháng 10 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana truy tố bị cáo Võ Thị Kim L về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Võ Thị Kim L phạm tội: “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Thị Kim L 01 năm đến 01 năm 03 tháng cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo Võ Thị Kim L.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 35, khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Phạt bị cáo Võ Thị Kim L 50.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A16, màu bạc, bên trong gắn 01 sim điện thoại di động mạng Viettel.

Truy thu của bị cáo Võ Thị Kim L số tiền là: 58.532.876 đồng, thu lợi bất chính để trả lại cho những người đi vay, cụ thể trả lại cho những người sau đây: Bà Ngô Thị Kim C số tiền 9.452.055 đồng; Bà Đinh Thị M số tiền 37.738.355 đồng; Bà Vũ Thị X số tiền 1.890.411 đồng; Bà Trần Thị Tuyết S số tiền 9.452.055 đồng.

Truy thu, buộc bị cáo Võ Thị Kim L phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 53.567.124 đồng.

Buộc những người có tên dưới đây phải nộp số tiền nợ gốc còn lại chưa trả cho bị cáo Võ Thị Kim L, để sung vào ngân sách nhà nước, cụ thể: Bà Ngô Thị

Kim C: 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng); Bà Đinh Thị M: 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng); Bà Trần Thị Tuyết S: 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án 01 (một) tờ giấy vở ô ly, kích thước 20x17 cm, bên trong có các con số, chữ số nội dung có liên quan đến hoạt động vay tiền của bị cáo.

Tại phiên toà bị cáo Võ Thị Kim L không tranh luận lại với đại diện Viện kiểm sát, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố thì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, đúng như Kết luận điều tra, Cáo trạng đã truy tố bị cáo. Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ giữa năm 2022 đến tháng 07/2023, Võ Thị Kim L đã cho 04 người vay tiền với lãi suất cao (243,3%/năm và 365%/năm). Tổng số tiền bị cáo cho vay là 77.000.000đ, tổng số tiền lãi đã thu là 62.100.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo mức lãi suất cao nhất quy định cao nhất của bộ luật dân sự là 3.567.124 đồng. từ việc cho những người vay tiền trên L đã thu lợi bất chính số tiền là 58.532.876 đồng.

Tại Điều 468 Bộ luật dân sự quy định:

“1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay....”.

Bị cáo đã cho những người dân vay với lãi suất vượt quá gấp 12 lần và 18,25 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý về kinh tế, nhất là trong thời gian gần đây các tội phạm về hoạt động cho vay lãi nặng diễn biến hết sức phức tạp,

gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bản thân bị cáo là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Như vậy, đã đủ cơ sở để kết luận: Hành vi của bị cáo đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Điều 201. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo hành vi phạm tội. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i và điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo và xử bị cáo mức hình phạt cải tạo không giam giữ là phù hợp.

Xét bị cáo làm nông, thu nhập không ổn định nên cần miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 201, khoản 2 Điều 35 của Bộ luật hình sự, căn cứ khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về Nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự

“Trường hợp hình phạt chính được áp dụng không phải hình phạt tiền thì phải xem xét áp dụng nghiêm khắc hình phạt bổ sung là hình phạt tiền”.

Do vậy, cần áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A16, màu bạc, gắn thẻ sim mạng Viettel là công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với 01 (một) tờ giấy vở ô ly, kích thước 20x17 cm, bên trong có các con số, chữ số nội dung có liên quan đến việc cho vay tiền của bị cáo nên cần tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án.

Đối với số tiền thu lợi bất chính là 58.532.876 đồng mà bị cáo đã thu từ những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (người vay) cần phải truy thu để trả lại tiền cho những người vay, cụ thể: Bà Ngô Thị Kim C số tiền 9.452.055 đồng; Bà Đinh Thị M số tiền 37.738.355 đồng; Bà Vũ Thị X số tiền 1.890.411 đồng; Bà Trần Thị Tuyết S số tiền 9.452.055 đồng.

Đối với số tiền gốc và tiền lãi (20%/năm) không vượt quá lãi suất quy định mà bị cáo đã thu được của người vay là 53.567.124 đồng. Cần phải truy thu sung công quỹ cụ thể, như sau: Bà Đinh Thị M số tiền gốc đã thu và lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước: 40.000.000 đồng + 2.361.645 đồng = 42.361.645 đồng; Bà Ngô Thị Kim C số tiền gốc đã thu và lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước: 547.945 đồng; Bà Trần Thị Tuyết S số tiền gốc đã thu và lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước: 5.000.000 đồng + 547.945 đồng = 5.547.945 đồng; Bà Vũ Thị X số tiền gốc đã thu và lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước: 5.000.000 đồng + 109.589 đồng = 5.109.589 đồng;

Đối với số tiền nợ gốc mà bà Ngô Thị Kim C, bà Đinh Thị M, bà Trần Thị Tuyết S đã vay của bị cáo chưa trả hết cụ thể: Bà Ngô Thị Kim C vay chưa trả 10.000.000 đồng; bà Đinh Thị M vay chưa trả 12.000.000 đồng; bà Trần Thị Tuyết S vay chưa trả 5.000.000 đồng cần phải truy thu sung quỹ nhà nước.

[6]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố: Bị cáo Võ Thị Kim L phạm tội: “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

[1.1]. Áp dụng: khoản 1 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Thị Kim L 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện K nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Võ Thị Kim L cho Ủy ban nhân dân T1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, để giám sát, giáo dục bị cáo; Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo Võ Thị Kim L.

[1.2] Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 2 Điều 35, khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Phạt bị cáo Võ Thị Kim L 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước.

[2]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

[2.1] Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A16, màu bạc, Imei 1: 860817050605654, Imei 2: 860817050605647, bên trong gắn 01 sim điện thoại di động mạng Viettel, số seri 8984048000010576957 (Có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 18 tháng 10 năm 2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Ana)

[2.2] Truy thu của bị cáo Võ Thị Kim L số tiền là: 58.532.876 đồng (*năm mươi tám triệu năm trăm ba mươi hai nghìn tám trăm bảy sáu đồng.*) thu lợi bất chính để trả lại cho những người đi vay, cụ thể trả lại cho những người sau đây:

1. Bà Ngô Thị Kim C số tiền 9.452.055 đồng.
2. Bà Đinh Thị M số tiền 37.738.355 đồng.
3. Bà Vũ Thị X số tiền 1.890.411 đồng.
4. Bà Trần Thị Tuyết S số tiền 9.452.055 đồng.

[2.3] Truy thu, buộc bị cáo Võ Thị Kim L phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 53.567.124 đồng (*năm mươi ba triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm hai mươi bốn đồng*).

[2.4] Buộc những người có tên dưới đây phải nộp số tiền nợ gốc còn lại chưa trả cho bị cáo Võ Thị Kim L, để sung vào ngân sách nhà nước, cụ thể:

1. Bà Ngô Thị Kim C: 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).
2. Bà Đinh Thị M: 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).
3. Bà Trần Thị Tuyết S: 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

[2.5] Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án 01 (một) tờ giấy vờ ô ly, kích thước 20x17 cm, bên trong có các con số, chữ số nội dung có liên quan đến hoạt động vay tiền của bị cáo.

[3]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

Buộc bị cáo Võ Thị Kim L phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

[4]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Ana;
- Công an huyện Krông Ana;
- THADS huyện Krông Ana;
- Những người tham gia tố tụng;
-;
- Lưu hồ sơ, VP

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Chu Anh Hùng